Mẫu số 27-HS (Ban hành theo NQ số 05/2017/NQ-HĐTP)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HS-ST
Ngày 26-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Duệ

Ông Lương Văn Duấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tăng Thành Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Vi Thị Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Vi Văn L**. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 16/02/2006 tại huyện Q C, tỉnh N A.

Nơi cư trú: Bản K, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 11/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vi Văn Đ và bà Hà Thị H. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 13/6/2024 đến ngày 22/6/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Công A**. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 21/02/2006 tại huyện Q C, tỉnh N A.

Nơi cư trú: Bản K, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn B và bà Vi Thị H. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 13/6/2024 đến ngày 22/6/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm khi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Trợ giúp viên pháp lý. Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Hoàng Thị Linh T. Sinh năm 2006. Nơi cư trú: Bản L H, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C. Sinh năm 1965. Nơi cư trú: Bản L H, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Hà Văn T. Sinh năm 2003. Nơi cư trú: Bản K, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, Vi Văn L cùng với Hoàng Công A cùng đi đến quán ăn đêm tại khối 1, thị trấn T L, huyện Q C, tỉnh N A. Sau khi ăn uống xong, L rủ A đi tìm xe máy để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì A đồng ý. A điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA, màu đen, loại BLADE mang biển kiểm soát 37G1-073.15 chở L đi xuống khu vực khối 4, thị trấn T L, huyện Q C để tìm xe trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 12/6/2024, khi cả hai đi qua khu vực khách sạn H T thì nhìn thấy phía đối diện khách sạn có chiếc xe máy nhãn hiệu VIET THAI, màu xanh, loại SUPECUP, mang biển kiểm soát 37GA-002.22 của chị Hoàng Thị Linh T, sinh năm 2006, trú tại bản L H, xã C H, huyện Q C đang dựng bên lề đường, xung quang không thấy ai nên cả hai thống nhất sẽ lấy trộm chiếc xe máy của chị T. Lúc này A điều khiển xe máy rẽ vào đường đi bản Đ M, xã C H, huyện Q C (cách chiếc xe chị T khoảng 15 mét) thì dừng lại, sau đó cả hai cùng đi bộ lại vị trí chiếc xe rồi L dắt chiếc xe đi vào hướng bản Đ M. Khi đi được một đoạn, L dùng chiếc chìa khóa xe máy của A để mở khóa chiếc xe. Sau khi mở được khóa xe L điều khiển chiếc xe vừa trộm được rồi cùng A đưa chiếc xe đến quán anh Đậu Công H ở khối 2, thị trấn T L, huyện Q C để cầm cố. Để tránh bị phát hiện, trên đường đi L và A đã tháo biển số xe vứt vào bụi cây bên đường. Khi đi đến quán anh H thì cả hai gặp Hà Văn T (sinh năm 2003 trú tại bản K, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A) đang ở đây nên nhờ T đưa chiếc xe vừa trộm được vào cầm cố với anh H. Khi T có hỏi L và A về nguồn gốc của chiếc xe thì A nói đó là xe của gia đình L, nghe vậy thì T đồng ý và đi vào hỏi anh H để cầm cố chiếc xe nhưng anh H không nhận cầm cố. Lúc này T nói với L và A là đưa xe đến quán Q P ở xã C H, huyện Q C để cầm cố thì L và A đồng ý rồi cả ba cùng đi đến quán Q P (quán này là của gia đình ông Nguyễn Văn C sinh năm 1965, trú tại bản L H, xã C H, huyện Q C). Khi đến nơi, T đi vào trong quán thì gặp ông C. Lúc này T nói với ông C là muốn cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu VIET THAI, màu xanh, loại SUPECUP, khi ông C hỏi đây là xe của ai thì T nói đó là xe của L. Ông C yêu cầu chụp ảnh giấy phép lái xe và ảnh chân dung của T, sau đó đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên với số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). T cầm lấy số tiền trên rồi đi ra khỏi quán, đưa cho L và A, sau đó bản thân đi về nhà. L và A nhận được số tiền trên thì chia nhau mỗi người 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) rồi đi về và đã tiêu xài cá nhân hết. Sáng ngày 12/6/2024, chị Hoàng Thị Linh T làm đơn trình báo sự việc bị mất trộm chiếc xe đến Công an thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳ Châu. Đến ngày 13/06/2024, Hoàng Công A và Vi Văn L biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên đã đến Công an huyện Quỳ Châu để đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An kết luận: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu VIET THAI, màu xanh, loại SUPECUP, số khung: BBN4JH015555, số máy FMBVT2015555, xe không gắn biển số, xe máy đã qua sử

dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong có giá trị là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng); 01 (một) biển kiểm soát xe máy hình chữ nhật làm bằng kim loại, có kích thước 20 x 15cm. Mặt trước biển kiểm soát có ghi chữ và chữ số "37GA-002.22", biển số đã tháo rời khỏi xe máy có giá trị là 30.000đ (ba mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản được định giá là : 3.830.000đ (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳ Châu, Vi Văn L và Hoàng Công A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 76/CT-VKS-QC ngày 29/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định truy tố Vi Văn L và Hoàng Công A ra trước Tòa án để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Vi Văn L và Hoàng Công A mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng đều về tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, giải quyết vụ án, người bị hại đã nhận lại tài sản, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được các bị cáo bồi thường đầy đủ, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến trình bày của người bào chữa cho các bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có nhiều tệ nạn xã hội phức tạp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Vi Văn L có ông nội là ông Vi Văn S được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Vi Văn L và Hoàng Công A mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đều về tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’ và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung truy tố của Cáo trạng, không có ý kiến gì trong phần tranh luận và không bổ sung thêm ý kiến gì vào bản bào chữa của người bào chữa mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong giai đoạn điều tra và truy tố đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Xét thấy, quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của những người này có trong hồ sơ vụ án, đồng thời bị hại đã nhận lại tài sản, bi hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được các bị cáo bồi thường đầy đủ, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Qúa trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, các bị cáo cùng nhau đến quán ăn đêm tại khối 1, thị trấn T L, huyện Q C, sau khi ăn uống xong thì L rủ A đi tìm xe máy để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì A đồng ý. Sau khi các bị cáo đi đến khu vực khách sạn H T ở khối 4, thị trấn T L, huyện Q C lúc đó khoảng 00 giờ 10 phút ngày 12/6/2024 thì nhìn thấy phía đối diện khách sạn có chiếc xe máy của chị Hoàng Thị Linh T đang dựng bên lề đường nên cả hai đã cùng nhau lấy cắp chiếc xe máy của chị T. Các bị cáo đem xe máy đến quán anh Đậu Công H thì gặp Hà Văn T và nhờ T vào hỏi anh H để cầm cố nhưng anh H không nhận cầm cố (T không biết đó là xe do trộm cắp). T nói với L và A là đưa xe đến quán Q P ở xã C H, huyện Q C (quán của ông Nguyễn Văn C) để cầm thì L và A đồng ý. Sau khi đến thì T đã đứng ra cầm cố xe với ông C được số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sau đó T đem toàn bộ số tiền này đưa cho L và A rồi đi về, T không được chia đồng nào, L và A chia nhau mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) sau đó đã tiêu xài cá nhân hết.

Thấy rằng lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy của chị Hoàng Thị Linh T có trị giá 3.830.000 đ (Ba triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng). Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Vi Văn L và Hoàng Công A đã phạm vào tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’ theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đúng như nội dung truy tố của Cáo trạng.

Đối với anh Hà Văn T và ông Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định được những người này không biết chiếc xe máy đưa đi cầm cố và nhận cầm cố là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên anh Hà Văn T và ông Nguyễn Văn C không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn C đã vi phạm hành chính về ‘‘Hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về anh ninh, trật tự khi chưa được cấp hoặc bị thu hồi hoặc đang bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự’’ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 20/8/2024 Chủ tịch UBND huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi nêu trên của ông Nguyễn Văn C với số tiền phạt 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng).

[4]. Xét tính chất của vụ án, vai trò của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bản thân các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, không chịu khó lao động sản xuất, làm ăn lương thiện mà lại kiếm tiền từ hành vi phạm pháp luật. Các bị cáo có đủ nhận thức nhất định để biết được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng vẫn lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt nhằm phục vụ cho nhu cầu của cá nhân mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vi Văn L là người có vai trò chính, đã chủ động rủ rê Hoàng Công A trộm cắp tài sản, Hoàng Công A sau khi được L rủ rê đã thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Vì vậy, cần phải có một mức hình phạt tương xứng đối với mức độ, hành vi phạm tội tương ứng với từng bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhằm khắc phục hậu quả, sau khi phạm tội cả hai bị cáo đã đầu thú. Ngoài ra Vi Văn L có ông nội là ông Vi Văn S được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và có đủ khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù và việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, cho các bị cáo được hưởng án treo và cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo vừa cải tạo vừa ổn định cuộc sống gia đình, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: ‘‘Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền…’’. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản và không có khả năng thi hành án. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Hoàng Thị Linh T đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy, các bị cáo đã bồi thường cho chị T số tiền 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng) là giá trị thiệt hại của chiếc biển số xe 37GA-002.22 không tìm lại được trong quá trình điều tra, nay chị T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C đã được các bị cáo bồi thường số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nay không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy không xem xét nữa.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu VIET THAI, màu xanh, loại SUPECUP, số khung BBN4JH015555, số máy FMBVT2015555, xe không gắn biển số (do bị mất, không thu hồi lại được trong quá trình điều tra), đã qua sử dụng, đăng ký xe mang tên Lô Triệu Đ, sinh năm 1967, trú tại Khối 3, thị trấn T L, huyện Q C, tỉnh N A. Quá trình điều tra xác định được đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Hoàng Thị Linh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Hoàng Thị Linh T theo quy định nên không xem xét nữa.

- 01 Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, màu đen, loại BLADE, xe mang biển kiểm soát 37G1-073.15, đăng ký xe mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1970, trú tại bản K, xã C H, huyện Q C, tỉnh N A. Quá trình điều tra xác định được đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Hoàng Văn B (Bố của bị cáo Hoàng Công A), anh B không biết việc A sử dụng chiếc xe máy vào mục đích phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Hoàng Văn B theo quy định nên không xem xét nữa.

- Đối với chiếc biển số xe 37GA-022.22, các bị cáo khai nhận sau khi trộm cắp được chiếc xe máy thì đã tháo và vứt biển số tại khu vực bản Đ M, xã C H, huyện Q C. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả nên không xem xét thêm.

[8]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- **Vi Văn L** 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng về tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2024).

- **Hoàng Công A** 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng về tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2024).

Giao các bị cáo Vi Văn L và Hoàng Công A về cho Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú áp dụng đối với các bị cáo do Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An ban hành vào ngày 04/9/2024.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc Vi Văn L và Hoàng Công A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thuời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND h Quỳ Châu, VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện Qùy Châu;
- Bộ phân HSNV Công an huyện Qùy Châu;
- Phòng KTNV&THAHS TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS h.Quỳ Châu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Châu Hội, huyện Qùy Châu;
- Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu VP.

Lô Văn Linh